TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 273/2024/HC-PT
Ngày: 23-7-2024
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tiến**

Ông **Phạm Văn Hợp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** Ông **Trần Viết Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 104/2024/TLPT-HC ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".* Do Bản án hành chính sơ thẩm số 61/2023/HC-ST ngày 21/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1310/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện***: Ông Nguyễn Tấn D, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế T, sinh năm: 1976; địa chỉ: E N, phường I, quận G, TP Hồ Chí Minh. Có mặt.

- ***Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ trụ sở làm việc: xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND huyện S. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ trụ sở làm việc: xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh T1 - Q. Chủ tịch UBND xã T. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1955.

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1966.

4. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1994.

5. Anh Nguyễn Thái H2, sinh năm: 1991.

Cùng địa chỉ: thôn P, xã T, huyện S, Quảng Ngãi.

6. Ông Nguyễn Trung T2, sinh năm: 1959; địa chỉ: I đường Q, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông Đỗ Văn C, sinh năm: 1977; địa chỉ: thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kháng cáo: người khởi kiện ông Nguyễn Tấn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người khởi kiện trình bày:*

Ông Nguyễn Tấn D là người đang sử dụng đất có diện tích 1.004,0m^2 tọa lạc tại thửa đất số 1250, tờ bản đồ số 1; địa chỉ tại thôn P, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Quyền sử dụng đất này hiện nay đang nằm trong Dự án Chống ngập Khu công nghiệp VSIP đoạn qua kênh B10 và khu dân cư lân cận (Đợt 9).

Nguồn gốc sử dụng thửa đất trên là do mẹ của ông (bà Bùi Thị T3) tạo lập và sử dụng ổn định từ trước năm 1975, đến năm 1994 mẹ ông (bà Bùi Thị T3) để lại cho anh em ông quản lý, sử dụng, để làm nhà ở và sản xuất nông nghiệp ổn định, không có bất kỳ tranh chấp gì từ đó cho đến nay. Cũng như thửa đất trên không thuộc quỹ đất công ích, không thuộc đất do Ủy ban nhân dân xã quản lý, bởi vì vào năm 1986 mẹ ông (bà Bùi Thị T3) đã đăng ký kê khai ruộng đất và đứng tên thửa đất này theo Chỉ thị 299/TTg của Chính phủ, mẹ ông đăng ký toàn bộ là đất ở.

Hộ ông Nguyễn Tấn D gồm có: ông Nguyễn Tấn D, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Trung T2. Còn ông Đỗ Văn C là người trông nom, quản lý đất.

Vào cuối tháng 12/2021, ông biết Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi ban hành các quyết định như:

- Quyết định số 3588/QĐ-UBND ngày 29/12/2021, về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Chống ngập Khu công nghiệp VSIP đoạn qua kênh B10 và khu dân cư lân cận (Đợt 9).

- Quyết định số 3590/QĐ-UBND ngày 29/12/2021, về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Nguyễn Tấn D thường trú tại xã T, huyện S bị ảnh hưởng

dự án Chống ngập Khu công nghiệp VSIP đoạn qua kênh B10 và khu dân cư lân cận (Đợt 9).

Các quyết định ông vừa nêu trên đã được Ủy ban nhân dân huyện S ký, đóng dấu và ban hành vào tháng 12/2021, nhưng đến tháng 06/2022 ông mới được biết các quyết định này thông qua việc Ủy ban nhân xã T mời ông đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã T để họp vận động ông nhận tiền bồi thường, hỗ trợ cho việc thu hồi thửa đất kể trên. Từ tháng 06/2022 cho đến nay ông chưa nhận một đồng nào của việc bồi thường, hỗ trợ nêu trên.

Nói tóm lại, quyền sử dụng đất của ông nêu trên có diện tích là 1.004,0m^2 (Trong đó: trong quy hoạch 968,4m^2, ngoài quy hoạch đề nghị thu hồi luôn 35,6m^2), theo Quyết định số 3590/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 thì ông được bồi thường, hỗ trợ với giá trị là 181.744.820 đồng (trong đó bồi thường, hỗ trợ về đất là 168.672.000 đồng, cây cối hoa màu với giá trị là 10.976.000 đồng, các khoản hỗ trợ là 2.096.820 đồng). Việc bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất của ông với giá trị này là chưa thỏa đáng, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Thửa đất của ông bị thu hồi có nguồn gốc là đất ở nhưng Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi áp giá bồi thường, hỗ trợ là đất HNK là không đúng với nguồn gốc và thực tế sử dụng đất.

Nay ông Nguyễn Tấn D *yêu cầu Tòa án giải quyết, tuyên hủy:*

- Quyết định số 3590/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Nguyễn Tấn D thường trú tại xã T, huyện S bị ảnh hưởng dự án Chống ngập Khu công nghiệp VSIP đoạn qua kênh B10 và khu dân cư lân cận (Đợt 9).

- Quyết định số 3588/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Chống ngập Khu công nghiệp VSIP đoạn qua kênh B10 và khu dân cư lân cận (Đợt 9), thửa đất 1250, tờ bản đồ địa chính số 23 đo vẽ năm 1998, xã T.

** Tại Văn bản số 1634/UBND-NC ngày 07/9/2023, người bị kiện* UBND huyện S *trình bày:*

Hộ ông Nguyễn Tấn D đang sử dụng thửa đất số 1250, diện tích 1.044m^2, loại đất HNK, tờ bản đồ địa chính số 23, xã T được UBND huyện S thu hồi đất tại Quyết định số 3588/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 để thực hiện dự án: Chống ngập Khu công nghiệp VSIP đoạn qua kênh B10 và khu dân cư lân cận.

Theo hồ sơ, bản đồ giải thửa thực hiện Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ tại Sổ mục kê ruộng đất do xã T lập ngày 15/12/1986 tại trang số 105, thuộc thửa đất số 863, diện tích 2.192m^2, tờ bản đồ giải thửa số 14, loại đất ở (T) do bà Bùi Thị T3 đứng tên. Theo Sổ đăng ký ruộng đất do xã T lập ngày 15/12/1986 trang số 50, thửa đất số 863, diện tích 2.192m^2, tờ bản đồ giải thửa số 1, loại đất ở (T) do bà Bùi Thị T3 kê khai, đứng tên.

Theo hồ sơ địa chính thực hiện Nghị định 64/NĐ-CP của Chính phủ tại Sổ mục kê ruộng đất do xã T lập tại trang số 35, thửa đất số 863, tờ bản đồ giải thửa số 14, xã T biến động thành thửa đất số 1250, diện tích 994m^2, tờ bản đồ địa chính số 23, xã T thuộc đất chưa phân phối sử dụng.

Trên cơ sở nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Tấn D, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi đã phối hợp với UBND xã T, Công ty TNHH MTV K (Chủ đầu tư) tổ chức kiểm kê, lập phương án bồi thường, hỗ trợ trình UBND huyện S phê duyệt theo quy định.

Ngày 29/12/2021, UBND huyện S ban hành Quyết định số 3588/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Chống ngập Khu công nghiệp VSIP đoạn qua kênh B10 và khu dân cư lân cận (đợt 9) và Quyết định số 3590/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Tấn D bị ảnh hưởng dự án: Chống ngập Khu công nghiệp VSIP đoạn qua kênh B10 và khu dân cư lân cận (đợt 9) với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 181.744.820 đồng (bằng chữ: Một trăm tám mươi mốt triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm hai mươi đồng) trong đó:

+ Bồi thường, hỗ trợ về đất: 168.672.000 đồng;

+ Bồi thường cây cối hoa màu: 10.976.000 đồng;

+ Hỗ trợ ổn định đời sống: 2.096.820 đồng.

Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi phối hợp với UBND xã T, Chủ đầu tư đã tổ chức chi trả tiền nhiều lần nhưng hộ ông Nguyễn Tấn D vẫn chưa đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng vì ông yêu cầu thu hồi, bồi thường thửa đất trên là đất ở và bố trí tái định cư.

Quá trình thực hiện thu hồi đất, lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Tấn D là đầy đủ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, việc ông D yêu cầu bồi thường đất ở và bố trí tái định cư là không có cơ sở xem xét giải quyết.

** Tại Văn bản số 265/UBND ngày 11/9/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan* UBND xã T *trình bày:*

- Hồ sơ địa chính của thửa đất 1250, tờ bản đồ 23:

Theo hồ sơ thực hiện Chỉ thị 299/TTg: Thuộc thửa đất số 863, tờ bản đồ 14, diện tích 2192m^2 loại đất T, do bà Bùi Thị T3 kê khai trong Sổ đăng ký ruộng đất (Sổ 5b) quyển số 1, trang số 50 lập năm 1986 được Sở địa chính phê duyệt năm 1987.

Theo hồ sơ thực hiện Nghị định 64/CP: Thửa đất 863, tờ bản đồ 14 biến động thành thửa đất 1250, tờ bản đồ 23, diện tích 994m^2, loại đất hoang thuộc đất chưa phân phối sử dụng.

Theo bản đồ trích đo thực hiện dự án Chống ngập Khu công nghiệp VSIP đoạn qua kênh B10 và khu dân cư lân cận là thửa đất số 1250, tờ bản đồ số 1, diện tích 1004m^2.

- Ý kiến của UBND xã đối với việc ông Nguyễn Tấn D yêu cầu hủy các quyết định hành chính:

Trên cơ sở hồ sơ địa chính và quá trình sử dụng của hộ ông Nguyễn Tấn D, UBND xã T phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi tổ chức kiểm kê, lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Tấn D trình UBND huyện S phê duyệt.

Đến ngày 29/12/2021 UBND huyện S ban hành Quyết định số 3588/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Chống ngập Khu công nghiệp VSIP đoạn qua kênh B10 và khu dân cư lân cận (đợt 9) và Quyết định số 3590/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Tấn D.

Quá trình thực hiện thu hồi đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Tấn D là đúng theo quy định của pháp luật.

Do đó, việc ông Nguyễn Tấn D yêu cầu hủy Quyết định số 3588/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Chống ngập Khu công nghiệp VSIP đoạn qua kênh B10 và khu dân cư lân cận (đợt 9) và Quyết định số 3590/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Tấn D là không có cơ sở.

**Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông* Nguyễn Trung T2*, bà* Nguyễn Thị H*, bà* Nguyễn Thị N*, anh* Nguyễn Thái H2*, chị* Nguyễn Thị H1 *trình bày thống nhất như ý kiến khởi kiện của ông* Nguyễn Tấn D.

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 61/2023/HC-ST ngày 21/12/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định*:**

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 11, 62, 63, 66, 69, 74 và Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn D về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 3590/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Nguyễn Tấn D thường trú tại xã T, huyện S bị ảnh hưởng dự án Chống ngập Khu công nghiệp VSIP đoạn qua kênh B10 và khu dân cư lân cận (Đợt 9).

- Hủy Quyết định số 3588/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện S về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Chống ngập Khu công nghiệp VSIP

đoạn qua kênh B10 và khu dân cư lân cận (Đợt 9), thửa đất 1250, tờ bản đồ địa chính số 23 đo vẽ năm 1998, xã T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/01/2024, người khởi kiện ông Nguyễn Tấn D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tấn D giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 61/2023/HC-ST ngày 21/12/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Tấn D khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3590/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 và Quyết định số 3588/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tấn D thì thấy:

Thực hiện dự án chống ngập Khu công nghiệp VSIP đoạn qua kênh B10 và Khu dân cư lân cận, UBND huyện S đã ban hành Quyết định số: 3588/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 về việc thu hồi đất và Quyết định số 3590/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Tấn D đối với thửa đất 1250, tờ bản đồ số 23 diện tích đất thu hồi là 1.004m^2. Theo đó, UBND huyện S xác định thửa đất bị thu hồi là loại đất HNK và ấn định giá trị bồi thường, hỗ trợ là 181.744.820 đồng bao gồm: Bồi thường, hỗ trợ về đất: 168.672.000 đồng; bồi thường cây cối hoa màu: 10.976.000 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống: 2.096.820 đồng. Người khởi kiện ông Nguyễn Tấn D xác định thửa đất nêu trên được mẹ ông là bà Bùi Thị T3 kê khai theo Chỉ thị 299/TTg là loại đất ở nên không đồng ý với phương án bồi thường mà UBND huyện S xác định và đề nghị Tòa án hủy các quyết định hành chính nêu trên.

HĐXX thấy rằng: Về nguồn gốc thửa đất số 1250, tờ bản đồ số 23 theo hồ sơ thực hiện Chỉ thị 299/TTg thuộc thửa đất số 863, tờ bản đồ số 14, diện tích 2192m^2, loại đất ở, do bà Bùi Thị T3 kê khai, đăng ký trong sổ đăng ký ruộng đất mẫu 5b, quyển số 1, trang 50 lập năm 1986 được Sở Địa chính phê duyệt vào năm 1987. Theo hồ sơ địa chính thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ tại Sổ mục kê ruộng đất năm 1999 do xã T lập tại trang số 35, thửa đất số 863,

tờ bản đồ giải thửa số 14 biến động thành thửa đất số 1250, tờ bản đồ số 23, diện tích 994m^2, loại đất hoang thuộc đất chưa phân phối sử dụng. Theo bản đồ trích đo dự án chống ngập Khu công nghiệp VSIP đoạn qua kênh B10 và Khu dân cư lân cận thuộc thửa đất số 1250, tờ bản đồ số 1, diện tích 1004m^2.

Về quá trình sử dụng đất: Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm ông Nguyễn Tấn D thừa nhận: Năm 1986, lũ lụt cuốn trôi ngôi nhà trên thửa đất 863 nên mẹ ông D chuyển đến nơi khác sinh sống. Năm 1994, bà T3 đã thống nhất để Nhà nước sử dụng diện tích khoảng 1000m^2 làm kênh mương Thạch Nham, phần còn lại bà T3 không sử dụng, cũng không đăng ký kê khai. Khi thực hiện kê khai theo Nghị định 64/CP, do thửa đất số 1250, tờ bản đồ số 23, diện tích 994m^2 không ai sử dụng nên UBND xã T xác lập vào hồ sơ địa chính với loại đất hoang thuộc đất chưa phân phối sử dụng do UBND xã quản lý. Khi thực hiện việc kiểm kê để thực hiện công tác đền bù, ông D cũng tự kê khai đất đai, tài sản thiệt hại và xác định về loại đất là đất HNK. Quá trình sử dụng đất, ông Nguyễn Tấn D cũng thừa nhận là người trực tiếp sử dụng, trồng hoa màu, cây hàng năm trên đất, đóng thuế là đất nông nghiệp. Do đó, việc UBND huyện S xác định và thu hồi loại đất HNK tại Quyết định số 3588/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của hộ ông Nguyễn Tấn D là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Tấn D không có tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông D.

[2.2] Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Tấn D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã đóng theo biên lai thu số 0002219 ngày 05/02/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

[2.3] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 11, 62, 63, 66, 69, 74 và Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tấn D. Giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số: 61/2023/HC-ST ngày 21/12/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

***Tuyên xử*:**

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn D về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 3590/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Nguyễn Tấn D thường trú tại xã T, huyện S bị ảnh hưởng dự án Chống ngập Khu công nghiệp VSIP đoạn qua kênh B10 và khu dân cư lân cận (Đợt 9).

- Hủy Quyết định số 3588/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện S về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Chống ngập Khu công nghiệp VSIP đoạn qua kênh B10 và khu dân cư lân cận (Đợt 9), thửa đất 1250, tờ bản đồ địa chính số 23 đo vẽ năm 1998, xã T.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Tấn D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã đóng theo biên lai thu số 0002219 ngày 05/02/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tồn